TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIẾN XƯƠNG** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-ST
Ngày 18-9-2017
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Xuân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Thanh.

2. Ông Vũ Xuân Thành.

- ***Thư ký phiên toà***: Bà Vũ Thị Huế - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2017/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 23/8/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2017/QĐST - HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Đặng Thị L**, sinh năm 1983, có mặt.

Nơi ĐKHKTT: thôn C, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Địa chỉ: thôn L, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình.

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn C, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đặng Thị L trình bày*:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q huyện K tỉnh Thái Bình ngày 16/7/2014. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chung sống riêng với nhau ở nhà bố mẹ anh T ở thôn C, xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình. Trong quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T uống nhiều rượu, không chịu đi làm, vợ chồng lấy nhau đã lâu mà không có con. Trong gần 04 năm chung sống một mình chị phải đi làm để trang trải cuộc sống khiến bản thân chị cảm thấy vô cùng mệt mỏi. Sáng chị đi làm từ 06 giờ anh T còn đang ngủ, đến 19 giờ chị về anh T vẫn đang ngủ, không dậy nấu cơm, lúc anh T dậy thì đi ra nhà bố mẹ anh T ăn cơm, mặc kệ chị muốn ăn thì tự đi nấu cơm mà ăn, anh T cũng không quan tâm. Sau khi đi ăn cơm, uống rượu ở nhà bố mẹ anh T về anh T lại đi ngủ, chẳng cần biết, cũng chẳng quan tâm chị thế nào. Suốt bốn năm ngày nào cũng vậy. Chị rất nhiều lần khuyên anh T bỏ rượu đi làm và chữa bệnh nhưng anh T không nghe lời chị khiến cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Chị đã cho anh T rất nhiều cơ hội để sửa chữa mong giữ lại hạnh phúc gia đình nhưng anh T không thay đổi, anh T vẫn uống nhiều rượu nên không thể đi làm được. Nhiều lần chán nản chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở thôn L để sinh sống. Tháng 2/2017 anh T đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4/2014 chị cũng bỏ về nhà bố mẹ chị sinh sống từ đó đến nay, vợ chồng không ai quan tâm đến ai. Nay chị L xác định vợ chồng không còn tình cảm, chị L đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn anh anh T.

- Về quan hệ con chung: Chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Văn T không có con chung.

- Về quan hệ tài sản: Chị Đặng Thị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung và cho vay nợ chung.

* *Bị đơn là anh Nguyễn Văn T*: vắng mặt tại địa phương nên Tòa án không lấy được lời khai.

- Qua xác minh tại UBND và Công an xã Q huyện K tỉnh Thái Bình ngày 10/8/2017 cung cấp cho biết: Chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 16/7/2014. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị L và anh T chung sống với nhau ở nhà bố mẹ anh T tại thôn C xã Q. Quá trình vợ chồng chung sống bình thường, anh T đi làm bảo vệ nhưng lương thấp nên chỉ làm được một thời gian ngắn rồi lại nghỉ việc ở nhà. Khi anh T đi làm thì chị L về nhà bố mẹ chị L ở, khi anh T về thì chị L lại về chung sống cùng anh T. Vợ chồng chị L anh T lấy nhau đã lâu mà không có con. Hiện nay anh T đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh còn cụ thể là công việc gì và địa chỉ ở đâu thì địa phương cũng không nắm được. Anh T và gia đình ông Nguyễn Văn X đều đang cư trú tại thôn C, xã Q. Anh T không thuộc diện phải khai báo tạm vắng nên không làm thủ tục khai báo tạm vắng tại Công an xã Q. Hiện nay anh T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương và cũng chưa làm thủ tục thay đổi nơi cư trú theo quy định của Luật cư trú tại Công an xã Q. Nay chị L xin ly hôn anh T, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Theo người làm chứng là ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị N, trú tại: thôn C, xã Q huyện K tỉnh Thái Bình (là bố mẹ anh Nguyễn Văn T) cho biết: Anh T và chị L kết hôn với nhau năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q. Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hay cãi nhau nhỏ, nguyên nhân do chị L tính tình nóng nẩy, nhiều lần chị L nói với gia đình ông bà là vợ chồng ly hôn và nhiều lần chị L tự ý bỏ về nhà bố mẹ chị L ở rồi chị L lại quay về chung sống với anh T. Ông, bà và bố mẹ chị L đã nhiều lần khuyên bảo anh T chị L nhưng anh chị ấy không thay đổi. Vợ chồng anh T chị L lấy nhau đã lâu mà chưa có con, gia đình ông bà cũng đã tạo điều kiện vật chất và động viên vợ chồng đi khám và chữa bệnh nhưng chị L không kiên trì chữa nên chưa có kết quả. Chị L đã bỏ về nhà bố mẹ chị ấy ở thôn L xã Q sinh sống còn anh T đi làm bốc vác ở tỉnh Bình Dương và sinh sống tại địa chỉ: 4/8 đường H, phường P, quận 9, thành phố Hồ

Chí Minh. Nay chị L xin ly hôn anh T hay tiếp tục chung sống với nhau là do anh chị ấy quyết định. Vợ chồng anh T chị L không có tài sản chung, không cho vay nợ chung và không vay nợ ai.

Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án; bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ do chị L cung cấp; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh T theo địa chỉ do chị L và ông X là bố anh T cung cấp và cũng đã giao các tài liệu trên cho ông X để ông X giao và thông tin ngay cho anh T. Ông X đã nhận các văn bản tố tụng nêu trên của Tòa án và cam kết thông tin lại ngay nội dung các văn bản trên cho anh T. Sau khi gia đình ông thông tin về việc Tòa án báo anh T đến trụ sở để giải quyết việc chị L xin ly hôn nhưng anh T nói lại với gia đình ông là chị L muốn đề nghị Tòa án giải quyết thế nào là việc của chị L và do công việc không thể về Tòa án được nên đề nghị Tòa án giải quyết treo trình tự của pháp luật.

Tại phiên toà hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Thái Bình có quan điểm cho rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia tố tụng không những tự tước bỏ quyền, nghĩa vụ của mình mà còn thể hiện không có ý thức chấp hành pháp luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị:

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình 2014, cho chị L được ly hôn anh T.

Về quan hệ con chung: không có.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung. Anh T chưa có lời khai tại Toà án, nên chưa có cơ sở xem xét giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, chị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về thủ tục tố tụng: Bị đơn là anh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn C xã Q huyện K tỉnh Thái Bình, hiện đang đi làm và ở tại địa chỉ: 4/8 đường H, phường P, quận 9, thành phố Hồ Chí Minh, không có mặt tại địa phương. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Bản sao đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo do chị L cung cấp; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của người làm chứng; xác minh tại UBND và Công an xã Q để làm rõ tình trạng hôn nhân, nơi cư trú, địa chỉ hiện nay của bị đơn, vì vậy Viện kiểm sát tham gia phiên toà là đúng với quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: xét thấy, chị Đặng Thị L kết hôn với anh Nguyễn Văn T trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Thái Bình là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chị L và anh T mâu thuẫn là do vợ chồng lấy nhau đã lâu mà không có con. Chị L đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ chị để sinh sống. Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh T đã được hai bên gia đình khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến nay vợ chồng chị L anh T mỗi người sống một nơi, không quan tâm gì đến nhau. Xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị L và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét

xử xét thấy cần phải chấp nhận xử cho chị L được ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]Về quan hệ con chung: Chị L và anh T không có con chung.

[5] Về quan hệ tài sản: Chị L trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ chung. Anh T chưa có lời khai tại Toà án, nên chưa có cơ sở xem xét giải quyết. Vì vậy Tòa án không đặt ra giải quyết về quan hệ tài sản.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị L và anh Nguyễn Văn T.

2. *Về quan hệ con chung*: không có.

3. *Về quan hệ tài sản*: không đặt ra giải quyết.

4. *Về án phí*: Chị Đặng Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0000774 ngày 04/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Thái Bình, như vậy chị Đặng Thị L đã nộp xong án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND huyện K;
- Các đương sự;
- L hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Xuân